

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày 23 – 3 - 2022
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH GIA LAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nay Toách và bà Võ Thị Đan Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hải Biển – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K – Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Nay San – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 73/2021/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số A, đường Q, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trịnh Thanh M, sinh năm 1980. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số A, đường Q, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Trịnh Thanh M đã tìm hiểu và lấy nhau năm trên cơ sở tình cảm tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 12/5/2017. Thời gian đầu, cuộc sống hạnh phúc tuy nhiên sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ những nguyên nhân nhỏ nhặt, vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có

tiếng nói chung, không thấu hiểu, không quan tâm và thông cảm cho nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Mặc dù mâu thuẫn đã được hai bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi xin được ly hôn với anh Trịnh Thanh M.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chúng tôi chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và thực hiện các nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong biên bản hòa giải ngày 12/11/2021 bị đơn anh Trịnh Thanh M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Như chị Trần Thị Ngọc H trình bày là đúng, chúng tôi đã tìm hiểu và chung sống với nhau trên cơ sở tình cảm tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 12/5/2017. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu cuộc sống gia đình hạnh phúc nhưng về sau giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ những nguyên nhân nhỏ nhặt, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong việc tạo lập cuộc sống gia đình nên cuộc sống vợ chồng nặng nề, không hạnh phúc. Nay chị Trần Thị Ngọc H yêu cầu ly hôn thì tôi không đồng ý vì theo tôi mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chúng tôi chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và thực hiện các nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX) cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; đương sự cũng có thái độ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật tố tụng.

Về hôn nhân: Chị H và anh M đã tìm hiểu và lấy nhau trên cơ sở tình cảm tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện K vào ngày 12/5/2017. Nhưng vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, xuất phát từ những nguyên nhân nhỏ nhặt, không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không thấu hiểu, không quan tâm và thông cảm cho nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Mặc dù mâu thuẫn đã được hai bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không được cho nên chị H yêu cầu ly hôn với anh M trước pháp luật, đối với anh M không muốn ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn.

Qua kết quả xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh M tại nơi cư trú cũng khẳng định giữa chị H và anh M thường hay xảy ra mâu thuẫn, hai bên gia đình và chính quyền địa phương đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh M đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do vậy chị H yêu cầu ly hôn với anh M trước pháp luật là phù hợp với quy định tại 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về con chung: Chị H và anh M chưa có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Từ các phân tích nêu trên, căn cứ các Điều 28, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015(sau đây gọi tắt là BLTTDS); Điều 9, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014(sau đây gọi tắt là LHNGĐ) đề nghị HĐXX tuyên:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc H và anh Trịnh Thanh M được ly hôn trước pháp luật.

Về con chung: Chị H và anh M chưa có con chung nên không có xem xét.

Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Huyền phải chịu là 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đây là vụ án ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS và nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc H khởi kiện bị đơn anh Trịnh Thanh M có nơi cư trú tại thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của BLTTDS.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn anh M vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Còn nguyên đơn chị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng với quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của BLTTDS. HĐXX chỉ căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án để

quyết định, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của BLTTDS.

[3] Về hôn nhân:

Chị Trần Thị Ngọc H và anh Trịnh Thanh M có thời gian tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 12/5/2017 tại UBND thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng về sau này cuộc sống gia đình phát sinh mâu thuẫn, tính tình không hòa hợp nhau về mọi mặt, không có cùng quan điểm sống, không cùng chí hướng để xây dựng hạnh phúc gia đình. Mâu thuẫn gia đình đã được hai bên, chính quyền địa phương giải quyết, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng chị H vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Hiện chị H và anh M không còn chung sống với nhau.

Tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 09/11/2021 thì Trưởng công an thị trấn P nơi chị H và anh M cư trú và mẹ đẻ của anh M là bà Lê Thị H1 cũng xác nhận vợ chồng anh M và chị H có nhiều mâu thuẫn, cãi vã to tiếng phải nhờ Công an thị trấn P can thiệp để đảm bảo an ninh.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị H và anh M đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu, quý trọng, giúp đỡ nhau và không cùng chí hướng xây dựng gia đình nữa, mặc dù anh M không muốn ly hôn nhưng yêu cầu ly hôn của chị H là chính đáng và có cơ sở. Do đó, HĐXX cho chị H được ly hôn với anh M là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của LHNGĐ.

[4] Về nuôi con:

Chị H và anh M không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Nên HĐXX không đề cập đến.

[5] Về tài sản chung và thực hiện các nghĩa vụ chung về tài sản:

Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của BLTTDS;
- Căn cứ khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 56 của LHNGĐ;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chị Trần Thị Ngọc H được ly hôn với anh Trịnh Thanh M trước pháp luật.

2. Về con chung:

Chị H và anh M không có con chung. Nên HĐXX không đề cập đến.

3. Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:

Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Về án phí:

Chị Trần Thị Ngọc H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0004756 ngày 12/10/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai. Chị Trần Thị Ngọc H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Trần Thị Ngọc H và anh Trịnh Thanh M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND t.Gia Lai;
- VKSND h.K;
- Chi cục THADS h. K;
- UBND thị trấn P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ/VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Khắc Toàn